Trường THPT Ứng Hòa B

Tổ Sinh- Địa- Thể dục- GDQP

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN SINH HỌC TỪ NGÀY 16/3 – 22/3**

 **ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG – DI QUẦN THỂ**

**Câu 1:** Ở người, bệnh mù màu (đỏ và lục) do đột biến gen lặn nằm trên NST giới tính X gây nên (Xm). Nếu mẹ bình thường, bố bị mù màu thì con trai bị mù màu của họ đã nhận Xm từ

A. bố        B. bà nội C. ông nội        D. mẹ

**Câu 2:** Ở tằm dâu, gen quy định màu sắc vỏ trứng nằm trêm NST giới tính X, không có alen trên Y. Alen A quy định trứng có màu sẫm, a quy định trứng có màu sáng. Cặp lai nào dưới đây đẻ trứng màu sẫm luôn nở ra tằm đực, còn trứng màu sáng luôn nở ra tằm cái?

A. XAXa x XaY B. XAXa x XAY C. XAXA x XaY D. XaXa x XAY

**Câu 3:** Đặc điểm nào dưới đây là của hiện tượng di truyền qua tế bào chất?

A. Số lượng gen ngoài NST ở các tế bào con là giống nhau.

B. Không tuân theo các quy luật của thuyết di truyền NST.

C. Có đặc điểm di truyền giống như gen trên NST.

D. Có sự phân chia đồng đều gen ngoài NST cho các tế bào con.

**Câu 4:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng khi nói về NST giới tính ở động vật?

(1) NST giới tính chỉ có ở tế bào sinh dục.

(2) NST giới tính chỉ chứa các gen quy định tính trạng giới tính.

(3) Hợp tử mang cặp NST giới tính XY bao giờ cũng phát triển thành cơ thể đực.

(4) NST giới tính có thể bị đột biến về cấu trúc và số lượng.

A. 1        B. 2 C. 3        D. 4

**Câu 5:** Trong quá trình giảm phân ở 1 cơ thể có kiểu gen AaBbXcDXEd đã xảy ra hoán vị gen giữa các alen D và d với tần số 20%. Cho biết không xảy ra đột biến, tính theo lí thuyết, tỉ lệ loại giao tử abXcd được tạo ra từ cơ thể này là

A. 2,5%        B. 5,0% C. 10,0%        D. 7,5%

**Câu 6:** Dấu hiệu đặc trưng để nhận biết tính trạng do gen trên NST giới tính Y quy định là

A. được di truyền thẳng ở giới dị giao tử B. luôn di truyền theo dòng bố

C. chỉ biểu hiện ở con cái D. chỉ biểu hiện ở con đực

**Câu 7:** Nguyên nhân của thường biến là do

A. tác động trực tiếp của các tác nhân lí, hóa học

B. rối loạn phân li và tổ hợp của NST

C. rối loạn trong quá trình trao đổi chất nội bào

D. tác động trực tiếp của điều kiện môi trường

**Câu 8:** Nhận định nào dưới đây không đúng?

A. Mức phản ứng của kiểu gen có thể rộng hay hẹp tùy thuộc vào từng loại tính trạng.

B. Sự biến đổi của kiểu gen do ảnh hưởng của môi trường là môi trường biến.

C. Mức phản ứng càng rộng thì sinh vật càng thích nghi với môi trường.

D. Sự mềm dẻo kiểu hình giúp sinh vật thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

**Câu 9:** Cho biết các bước của một quy trình như sau:

(1) Trồng những cây này trong những điều kiện môi trường khác nhau.

(2) Theo dõi, ghi nhận sự biểu hiện của tính trạng ở những cây trồng này.

(3) Tạo ra các cây có cùng một kiểu gen.

(4) Xác định số kiểu hình tương ứng với những điều kiện môi trường cụ thể.

Để xác định mức phản ứng của một kiểu gen quy định một tính trạng nào đó ở cây trồng, người ta phải thực hiện theo trình tự các bước là:

A. (1) → (2) → (3) → (4) B. (3) → (1) → (2) → (4)

C. (1) → (3) → (2) → (4) D. (3) → (2) → (1) → (4)

**Câu 10:** Cho các phát biểu sau đây vè mức phản ứng:

(1) Mức phản ứng là tập hợp các kiểu hình của cùng một kiểu gen tương ứng với điều kiện môi trường.

(2) Mức phản ứng là kết quả sự tự điều chỉnh của kiểu hình trong giới hạn tương ứng với môi trường.

(3) Tính trạng số lượng có mức phản ứng rộng, tính trạng chất lượng có mức phản ứng hẹp.

(4) Mức phản ứng do môi trường quy định, không di truyền.

Hãy đánh giá tính chính xác của các phát biểu trên.

A. (1) sai, (2) đúng, (3) sai, (4) đúng B. (1) sai, (2) đúng, (3) sai, (4) sai

C. (1) đúng, (2) sai, (3) đúng, (4) sai D. (1) đúng, (2) sai, (3) sai, (4) đúng

**Câu 11:** Cấu trúc di truyền của quần thể tự phối có những đặc điểm nào sau đây?

(1) Đa dạng và phong phú về kiểu gen.

(2) Quần thể bị phân hóa dần thành những dòng thuần có kiểu gen khác nhau.

(3) Tần số thể dị hợp giảm và tần số thể đồng hợp tăng qua các thế hệ.

(4) Tần số alen thường không thay đổi qua các thế hệ.

Phương án đúng là:

A. (1), (2) và (3) B. (2), (3) và (4)

C. (2) và (3) D. (1), (2) và (4)

**Câu 12:** Trong 1 quần thể giao phối, nhận định nào dưới đây là đúng?

A. Tần số tương đối của các alen trong 1gen nào đó là không đặc trưng cho từng quần thể.

B. Tần số tương đối của các alen trong 1 kiểu gen nào đó trong quần thể thay đổi qua các thế hệ.

C. Tần số tương đối của các alen trong 1gen nào đó là đặc trưng cho từng quần thể.

D. Tần số tương đối của các kiểu gen có tính đặc trưng cho từng quần thể.

**Câu 13:** Ở quần thể của 1 loài lưỡng bội, xét gen I nằm trên cặp NST thường số 1 có 3 alen, gen II nằm trên cặp NST thường số 2 có 6 alen. Trong điều kiện không có đột biến, trong quần thể sẽ có tối đa bao nhiêu loại kiểu gen dị hợp về cả 2 gen nói

A. 30        B. 60 C. 18        D. 32

**Câu 14:** Một quần thể ban đầu có tỉ lệ kiểu gen aa chiếm 0,1, còn lại kiểu gen AA và Aa. Sau 5 thế hệ tự phối bắt buộc, tỉ lệ của thể dị hợp trong quần thể còn lại là 0,01875. Tỉ lệ các kiểu gen trong quần thể ban đầu là

A. 0,3 AA : 0,6 Aa : 0,1 aa C. 0,0375 AA : 0,8625 Aa : 0,1 aa

B. 0,6 AA : 0,3 Aa : 0,1 aa D. 0,8625 AA : 0,0375 Aa : 0,1 aa

**Câu 15:** Ở đậu Hà Lan, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với a quy định thân thấp. Cho 2 cây thân cao giao phấn với nhau được F1 có tỉ lệ kiểu hình gồm 84% cây thân cao: 16% cây thân thấp. Nếu cho các cây thân cao F1 tự thụ phấn thì tỉ lệ kiểu hình ở F2 sẽ là

A. 18 cây thân cao : 7 cây thân thấp B. 6 cây thân cao : 1 cây thân thấp

C. 3 cây thân cao : 1 cây thân thấp D. 5 cây thân cao : 3 cây thân thấp